TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Huy T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B, đường M, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị Tr, anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tr và anh Trần Huy T tìm hiểu nhau gần 01 năm thì năm 2011 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 13/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ chồng ở số M đường V, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định đến năm 2012 thì về nhà cha mẹ ruột của chị Tr tại Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Năm 2017, vợ chồng cùng 02 con chuyển hộ khẩu vào nhà cha mẹ chồng tại Số B, đường M, thôn

C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống được 01 năm. Khi chuyển vào huyện Đ sinh sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn chăm lo cho gia đình và con cái mà thường tụ tập bạn bè chơi bời, uống rượu. Khoảng giữa năm 2018, chị Tr dẫn 02 con về lại nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này, anh T không hề quan tâm đến con, không chu cấp tiền cho chị Tr nuôi con. Khoảng năm 2021, mẹ chồng chị Tr báo tin anh T đi chấp hành án tại Đội M, khu lao động dạy nghề lèn rỏi, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An về tội liên quan đến ma túy.

Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trần Huy T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huy B, sinh ngày 19/01/2013 và Trần Trúc D, sinh ngày 13/7/2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 13/12/2022 có xác nhận của Ban Giám thị trại giam số B thuộc Bộ công an, bị đơn anh Trần Huy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đỗ Thị Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 16/02/2012 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm tại tỉnh Thái Nguyên sau đó chuyển vào sinh sống tại tỉnh Bình Thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống. Đến cuối năm 2021, anh T vi phạm pháp luật và đi cải tạo tại Trại giam số 3 thì tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay chị Tr có nguyện vọng ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huy B, sinh ngày 19/01/2013 và Trần Trúc D, sinh ngày 13/7/2015. Vì anh T đang chấp hành án và chị Tr có nguyện vọng nuôi con nên anh T đồng ý giao con cho chị Tr chăm sóc trong thời gian anh T đang thi hành án. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T đồng ý.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đang chấp hành án tại Trại giam số B thuộc Bộ công an nên có đơn xin giải quyết vắng mặt có xác nhận của Ban Giám thị trại giam số B thuộc Bộ công an gửi Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Ngày 10/11/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Đỗ Thị Tr và anh Trần Huy T tại địa phương và được cung cấp: Anh Trần Huy T có hộ khẩu thường trú tại số B đường M, thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vào khoảng năm 2017, chị Đỗ Thị Tr được biết là vợ của anh T cùng 02 con chung đến địa phương sinh sống cùng anh T và gia đình anh T. Khoảng năm 2018, không thấy chị Tr cùng 02 con chung sinh sống tại địa phương nữa, theo thông tin thì chị Tr về quê sinh sống. Anh T còn sinh

sống tại địa phương. Trong quá trình anh chị sinh sống tại địa phương không nghe trình báo về mâu thuẫn gì.

- Biên bản xác minh ngày 13/12/2022 tại Trại giam số B thuộc Bộ công an do Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An lập có nội dung sau: Anh Trần Huy T hiện đang chấp hành án tại Đội H, phân trại số H, Trại giam số B thuộc Bộ Công an tại xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An, về tội danh "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời gian chấp hành án là 30 tháng tại Bản án số 284 ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hà Nội, theo Quyết định thi hành án số 357 ngày 02/11/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2011, chị Tr, anh T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr, anh T đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương nhau, từ năm 2018, chị Tr cùng 02 con về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị Tr, anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huy B, sinh ngày 19/01/2013 và Trần Trúc D, sinh ngày 13/7/2015, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, hiện nay các con đang sống cùng chị Tr, anh T đang chấp hành án tại Trại giam số 3 thuộc Bộ Công an nên việc giao con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt có xác nhận của Ban Giám thị trại giam số B thuộc Bộ công an. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tr và anh Trần Huy T tìm hiểu nhau gần 01 năm thì năm 2011 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 13/7/2011, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị Tr và anh T, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống. Từ năm 2018, chị Tr cùng 02 con về nhà cha mẹ ruột tại Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc con cái. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huy B, sinh ngày 19/01/2013 và Trần Trúc D, sinh ngày 13/7/2015. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay, các con chung đang sống cùng chị Tr. Anh T đang chấp hành án tại Đội H, phân trại số H, Trại giam số B thuộc Bộ Công an tại xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành lấy lời khai của 02 cháu Trần Huy B và Trần Trúc D, theo nguyện vọng của 02 cháu, khi cha mẹ ly hôn 02 cháu muốn sống cùng với chị Tr. Nhận thấy, yêu cầu của chị Tr về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Đỗ Thị Tr đối với anh Trần Huy T. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tr đối với anh Trần Huy T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tr được ly hôn với anh Trần Huy T.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Huy B, sinh ngày 19/01/2013 và Trần Trúc D, sinh ngày 13/7/2015.

Sau ly hôn, chị Đỗ Thị Tr và anh Trần Huy T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Tr nuôi con thì chị Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Tr không yêu cầu anh Trần Huy T cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012439 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Đỗ Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung